

Bản án số: 24 /2024/HSST

Ngày: 21- 03-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRIỆU SƠN, TỈNH THANH HÓA

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Bà Lê Thị Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hữu Thủy và bà Ngô Thị Minh.

- **Thư ký phiên toà:** Ông Lê Sỹ Vĩ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà:** Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 03 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn tỉnh Thanh Hóa, xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 10/2024/HSST ngày 07 tháng 02 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST- HS ngày 06 tháng 03 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Lê Hữu H1, sinh ngày 15/02/2005

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông: Lê Hữu H (đã chết) và bà: Lê Thị H, sinh năm 1985

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân: Ngày 28/12/2021, bị Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa xử phạt 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”. Ngày 01/03/2022 bị cáo đã nộp án phí. Bị cáo chưa chấp hành xong thời gian thử thách.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10/11/2023 đến ngày 16/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

2. Lê Quang T1, sinh ngày 23/01/1992

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Con ông: Lê Quang P, sinh năm 1962 và bà Lê Thị G, sinh năm 1965.

Tiền án: Ngày 26/01/2021, bị Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt 44 tháng tù, về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2023, nộp án phí ngày 17/5/2021.

Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2023 đến ngày 15/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

3. Trương Văn V1, sinh ngày 04/03/1990

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Con ông: Trương Văn T, sinh năm 1949 và bà Lê Thị V (đã chết)

Vợ: Lưu Thị H, sinh năm 1998. Có 02 con, con lớn sinh năm 2016, con nhỏ sinh năm 2018

Tiền án; Tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09/11/2023 đến ngày 26/01/2024 thay thế biện pháp bảo lãnh.

4. Đặng Văn T2, sinh ngày 02/8/1991.

Tên gọi khác: Không ; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 5/12

Con ông: Đặng Văn T, sinh năm 1970 và bà Dương Thị N, sinh năm 1965.

Vợ: Hoàng Thị G, sinh năm 1994.

Có 02 con, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2020

Tiền án: Không

Tiền sự: Ngày 17/8/2023, bị Công an xã Dân Lực xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền 2.000.000đ, về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

Nhân thân:

- Ngày 25/01/2014, bị Công an xã T, huyện Triệu Sơn xử phạt hành chính, hình thức cảnh cáo về hành vi “phá nhà, gây thương tích”.

- Ngày 12/9/2014, bị Công an xã T, huyện Triệu Sơn xử phạt hành chính, hình thức phạt tiền 500.000đ về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Ngày 11/3/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, nộp xong án phí và truy thu ngày 15/3/2017, chấp hành án xong ngày 11/9/2015.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2023 đến ngày 14/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

5. Mai Văn H2, sinh ngày 22/5/1995

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn 7, xã M, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 9/12

Con ông: Mai Văn K, sinh năm 1965 và bà Hà Thị T, sinh năm 1968.

Vợ: Ngô Thị L, sinh năm 1996. Có 01 con, sinh năm 2021

Tiền án, tiền sự: Không

Nhân thân:

- Ngày 14/5/2015, bị Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn xử phạt 42 tháng tù, về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Nộp án phí ngày 14/10/2015, chấp hành xong án phạt tù ngày 10/6/2017.

- Ngày 11 tháng 7 năm 2022 bị cáo bị Chủ tịch UBND thị trấn Triệu Sơn ra quyết định xử phạt hành chính 2.500.000đ về hành vi “trộm cắp tài sản”. Nộp phạt vào ngày 27/07/2022.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 08/11/2023 đến ngày 14/11/2023 chuyển tạm giam. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa.

6. Hoàng Trọng C, sinh ngày 30/4/1974

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Tiểu khu 12, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 6/10

Con ông: Hoàng Trọng H (Đã chết) con bà Hoàng Thị T (Đã chết)

Vợ: Nguyễn Thị M, sinh năm 1978.

Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2017.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/11/2023 đến ngày 26/01/2024 thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh.

7. Nguyễn Thế P, sinh ngày 10/7/1973

Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam

Nơi cư trú: Thôn 7, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

Nghề nghiệp: Lao động tự do

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

Trình độ học vấn: 3/12

Con ông Nguyễn Thế L (Đã chết) và bà Khương Thị N, sinh năm 1938.

Vợ: Đỗ Thị T7, sinh năm 1978. Có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/11/2023 đến ngày 06/01/2024 thay thế bằng biện pháp cho bảo lãnh.

Các bị cáo đều có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Anh Lê Văn H3, sinh năm 1972

Địa chỉ: Thôn 5, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Bà Hà Thị T3, sinh năm 1957

Tổ dân phố 4, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Nguyễn Đình B, sinh năm 1977

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Anh Nguyễn Văn H4, sinh năm 1970

Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa

+ Ông Đào Xuân T4, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn 1, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

+ Ông Lê Văn H5, sinh năm 1958

Địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
+ Chị Đào Thị T5, sinh năm 1982
Địa chỉ: thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
+ Anh Đào Xuân N, sinh năm 1991
Địa chỉ: Thôn Q, xã K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa
- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**
+ Anh Nguyễn Như T6, sinh năm 2005
Địa chỉ: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa.
+ Chị Trịnh Thị D, sinh năm 1973
Chức vụ: Phó giám đốc Công ty TNHH thương mại tổng hợp C.
Địa chỉ: Phố G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
+ Nguyễn Hữu V2, sinh năm 1987
Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.
- **Người làm chứng:**
Chị Đỗ Thị T7, sinh năm 1978
Địa chỉ cư trú: Phố T, xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 05 giờ ngày 08/11/2023, tại thôn 7, xã D, huyện T, Tổ tuần tra Công an huyện Triệu Sơn phát hiện và bắt quả tang tại khu đất trống của vợ chồng Nguyễn Thế P và Đỗ Thị T7, Nguyễn Thế P đang cân mua hai con chó của Đặng Văn T2.

Quá trình điều tra các đối tượng khai nhận:

1. Hành vi “trộm cắp tài sản” của bị cáo Đặng Văn T2, Mai Văn H2 và hành vi “tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Nguyễn Thế P như sau:

- Khoảng 21 giờ ngày 07/11/2023, khi T2 đang ở nhà thì Mai Văn H2 đến và rủ T2 đi bắt trộm chó bán lấy tiền tiêu xài, T2 đồng ý. Khoảng 23 giờ cùng ngày, T2 lấy 01 bì xác rắn, 01 đoạn dây thòng lọng có cán bằng sắt và 01 cuộn băng dính ở nhà mang đi. T2 điều khiển chiếc xe máy Sirius BKS 36R4-2405 để chở H2 đi trộm chó(xe máy T2 mượn của anh V2 vào tháng 10/2023 để đi lại). Các đối tượng đi theo đường Quốc lộ 47 về hướng xã T, huyện T. Khoảng 00 giờ 30 phút ngày 08/11/2023, khi đi đến cầu T thì thấy 01 con chó lông vàng, nặng khoảng 12kg (của gia đình anh Lê Văn H3, ở thôn 5, xã T, huyện T), T2 điều khiển xe máy đi chậm để H2 cầm thòng lọng bắt chó rồi bỏ vào bì. Sau khi bắt được chó, H2 đưa bì đựng chó cho T2 để lên giá xe ở phía trước. Sau đó, T2 và H2 tiếp tục đi tìm chó để trộm. Khi đi đến gần Ngân hàng Vietinbank, ở thị trấn T thì thấy 01 con chó lai, lông màu đen nặng khoảng 16kg (của gia đình chị Hà

Thị T3, ở tổ dân phố 4, thị trấn T), T2 điều khiển xe đi chậm để H2 dùng thông lọng bắt chó bỏ vào bì rồi cả hai mang chó đến nhà P để bán nhưng P chưa dậy nên H2 và T2 nhốt chó vào lồng sắt nhà P rồi tiếp tục đi tìm chó để trộm cắp nhưng không tìm được. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 08/11/2023, H2 bảo T2 đến nhà P cân chó để bán được bao nhiêu tiền sẽ chia đôi, H2 về nhà đi ngủ. T2 điều khiển xe máy BKS 36R4-2405 một mình đến nhà P và nói với P là mới bắt trộm được hai con chó, lúc này nhốt ở lồng, P đồng ý mua. Khi đặt lên cân hai con chó có trọng lượng 30kg (cả lồng là 41kg), chưa kịp thanh toán tiền thì bị Công an bắt quả tang. Hồi 08 giờ 15 ngày 08/11/2023, Mai Văn H2, đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú khai nhận hành vi cùng T2 trộm cắp chó, phù hợp với lời khai của Đặng Văn T2.

- Biên bản xác định trọng lượng hồi 11 giờ 40 phút ngày 08/11/2023 (đối với hai con chó T2, H2 trộm cắp) xác định: 01 con chó lai còn sống giống đực, màu lông xám đen, trọng lượng 18,5kg; 01 con chó lai còn sống giống đực, màu lông vàng, trọng lượng 12,5kg; lồng kim loại có trọng lượng 9.5kg.

- Ngày 08/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn yêu cầu định giá đối với 02 con chó Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 trộm cắp. Kết luận định giá số 926/KL-HĐĐGTS ngày 10/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Triệu Sơn kết luận: 01 con chó lông xám đen, trọng lượng 18,5kg có giá trị 1.387.000đ; 01 con chó lông vàng, trọng lượng 12,5kg, trị giá 937.000đ. Tổng cộng **2.324.000đ**.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Thế P, Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 khai nhận, trước đó, Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 đã chuẩn bị thông lọng, dụng cụ để trộm chó. Sau khi trộm được đã bán cho P vài lần nhưng không nhớ rõ thời gian, địa điểm trộm cắp và số chó trộm được. Nguyễn Thế P khai, ngoài mua chó do Đặng Văn T2, Mai Văn H2 trộm cắp, P còn mua chó của Trương Văn V1 trộm cắp nhưng không nhớ thời gian cụ thể.

2. Hành vi “trộm cắp tài sản” của bị cáo Lê Hữu H1, Trương Văn V1 và hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Hoàng Trọng C như sau:

Hồi 12 giờ ngày 09/11/2023, Trương Văn V1 đến Công an huyện Triệu Sơn đầu thú và khai nhận:

Ngày 06/11/2023 Trương Văn V1 và Lê Hữu H1 đã trộm cắp 04 con chó bán cho Hoàng Trọng C, cụ thể:

Khoảng 05 giờ, ngày 06/11/2023, Trương Văn V1 và Lê Hữu H1 đã rủ nhau đi trộm chó để bán lấy tiền tiêu xài. H1 và V1 đến nhà Hoàng Trọng C ở thị trấn T để lấy xe máy Sirius màu xanh, đen, lắp biển kiểm soát giả là 36N7-4603 do

chiều 05/11/2023 đã gửi sẵn ở nhà C. H1 lấy thông lọng, ba lô có chứa bộ kích điện, băng dính mà H1 để sẵn ở nhà C rồi H1 chở V1 đến huyện T để tìm bắt trộm chó. Khoảng 06 giờ ngày 06/11/2023, cả hai đi đến phố T, xã D, H1 chở V1 vào đường làng thôn 6, xã D thì H1 nhìn thấy 01 con chó giống đực, lông đen, trọng lượng khoảng 27-28kg (của gia đình ông Lê Văn H5, ở thôn 6, xã D, huyện T) ở ven đường bê tông. V1 dùng thông lọng bắt chó, H1 đi xe chở V1 kéo lê ra ngã ba đường rồi V1 dùng băng dính dán miệng con chó vừa bắt được bỏ vào bao tải để lên xe máy. Tiếp đó, H1 tiếp tục chở V1 đến thôn 1, xã D thì H1 nhìn thấy 01 con chó giống cái, màu lông xám trắng, có đốm trắng ở đuôi (của gia đình anh Đào Xuân T4, ở thôn 1, xã D, huyện T) ở trên đường, V1 dùng thông lọng bắt chó, H1 chở V1 kéo lê con chó đi cách vị trí bắt khoảng 100m, V1 xuống quán băng dính vào miệng con chó rồi bỏ vào bao tải để lên xe máy. H1 và V1 tiếp tục đi vào đường thôn Q, xã K thì H1 nhìn thấy 01 con chó giống cái, lông vàng, nặng khoảng 13kg (của gia đình anh Nguyễn Đình B ở Thôn Q, xã K, huyện T) ở trên đường. V1 dùng thông lọng bắt chó, H1 chở V1 kéo lê con chó khoảng 50m thì dừng lại để V1 quán băng dính vào miệng chó cho vào bao tải.

Sau đó, H1 chở V1 đi theo đường làng thôn Q khoảng 1,5m thì thấy một con chó giống cái lông vàng, ở cổ có vệt trắng, nặng khoảng 13kg (của gia đình anh Nguyễn Văn H4 ở thôn Q, xã K) trên đường. V1 dùng thông lọng bắt chó kéo lê khoảng 100m rồi dừng lại quán băng dính bỏ vào bao tải. Sau khi bắt được chó, H1 chở V1 đến nhà Hoàng Trọng C, nói với C là chó vừa trộm được ở huyện T, C đồng ý mua và cân được 73kg, giá 55.000đ/kg và đưa cho H1 4.000.000đ. Sau khi nhận tiền từ C thì H1 để xe máy, thông lọng, ba lô có kích điện, băng dính tại nhà C và đưa cho V1 2.000.000đ. Số tiền bán chó H1 và V1 đã tiêu xài cá nhân hết.

04 con chó H1 và V1 trộm cắp ngày 06/11/2023 nêu trên, khi đến khám xét chỗ ở Hoàng Trọng C đã bán cho khách không xác định được lai lịch người mua. Tuy nhiên, trên cơ sở lời khai người bị hại, lời khai H1, V1 và C đủ cơ sở xác định: Tổng trọng lượng 04 con chó là 73kg gồm: 01 con chó lai còn sống, màu lông đen, cổ có vệt màu trắng, trọng lượng 13kg; 01 con chó lai còn sống, màu lông vàng, trọng lượng 13kg; 01 con chó lai còn sống, màu lông đen, trọng lượng 28kg; 01 con chó lai còn sống, màu lông xám, trắng, trọng lượng 19kg.

Ngày 09/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn yêu cầu định giá đối với bốn con chó Lê Hữu H1, Trương Văn V1 trộm cắp. Kết luận định giá số 943/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Triệu Sơn thì tổng giá trị 04 con chó V1 và H1 trộm cắp ngày 06/01/2023 bán cho C có giá trị là **5.475.000đ**.

3. Hành vi “trộm cắp tài sản” của Lê Hữu H1, Lê Quang T1 và hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của Hoàng Trọng C như sau:

Ngày 08/11/2023, Lê Hữu H1 và Lê Quang T1 đã trộm cắp 02 con chó bán cho Hoàng Trọng C, cụ thể như sau:

Khoảng 05 giờ 30 ngày 08/11/2023, Lê Quang T1 và Lê Hữu H1 đi đến nhà Hoàng Trọng C để lấy xe máy Sirius biển kiểm soát giả 36N7-4603, thông lòng, hai bì xác rắn và 01 chiếc đèn pin. T1 chở H1 đến cánh đồng thuộc địa phận xã D, Thanh phát hiện 01 con chó (của gia đình chị Đào Thị T5 ở thôn 6, xã D). Quan sát xung quanh không có người qua lại, T1 lái xe tiến lại gần còn H1 cầm thông lòng móc vào cổ chó, lôi đi một đoạn rồi H1 bỏ chó vào bì đặt ở giá đỡ phía trước yên xe.

Tiếp đó, T1 điều khiển xe về địa phận xã K tìm kiếm chó để trộm. Khoảng 30 phút sau, T1 phát hiện 01 con chó giống chó lai (của gia đình anh Đào Xuân N ở thôn Q xã K), T1 thực hiện hành vi bắt chó giống lần trước. Sau khi bắt được chó, T1 bỏ chó vừa trộm được vào C một bì với con chó bắt được trước đó và tiếp tục đi tìm chó để trộm nhưng không trộm được nên T1 và H1 đi đến nhà Hoàng Trọng C để bán chó. Tại nhà Hoàng Trọng C, T1 và H1 nói cho C biết nguồn gốc chó là trộm cắp mà có, C vì ham rẻ nên đồng ý mua. Tổng hai con chó nặng 40kg, C trả cho T1 số tiền 1.850.000đ. Nhận tiền xong, T1 đưa cho H1 900.000đ, còn T1 giữ 950.000đ, số tiền này T1, H1 đã tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, T1 để thông lòng, đèn pin và bì ở nhà kho trong sân nhà C rồi về nhà.

Biên bản xác định trọng lượng hồi 15 giờ 10 phút ngày 09/11/2023 (đối với hai con chó H1, T1 trộm cắp) xác định: 01 con chó cái, loại chó lai, lông màu vàng, đen, trắng, có trọng lượng 22kg; 01 con chó cái, giống chó lai, màu lông đen, xám, vàng có trọng lượng 17,5kg.

Ngày 09/11/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn yêu cầu định giá đối với hai con chó Lê Hữu H1, Lê Quang T1 trộm cắp. Kết luận định giá số 943/KL-HĐĐGTS ngày 13/11/2023 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Triệu Sơn thì tổng giá trị 02 con chó H1 và T1 trộm cắp ngày 08/01/2023 là **2.962.000đ**.

Hoàng Trọng C biết H1 gửi xe máy, không biết việc các đối tượng cất bao tải và dụng cụ bắt trộm chó tại nhà mình, việc các đối tượng đến lấy xe đi trộm chó C không biết.

- **Về vật chứng:** Cơ quan điều tra đã trả lại 10 con chó; 02 lồng sắt cho Nguyễn Thế P; 02 con chó cho Hoàng Trọng C vì không liên quan đến hành vi phạm tội; trả lại 04 con chó còn sống bị trộm cắp cho chủ sở hữu.

Chuyển bảo quản chờ xử lý theo quy định các vật chứng sau: 06 bộ thông lưng, 01 lồng chó, 02 cân đồng hồ, 03 bình xịt hơi cay, 03 vỏ chai bia, 02 cuộn dây kim loại, 02 xe máy gắn biển số 36N7 – 4603 và 36R4-2405, 01 cuộn băng dính, 02 áo khoác, 02 đôi giày, 01 quần thun, 01 túi da màu nâu bên trong có 01 bình ắc quy (dạng bộ kích), 03 mũ bảo hiểm, 02 đôi giày vải, 01 bì đựng thức ăn chăn nuôi, 02 vợt cán bằng kim loại dán băng dính màu đen (các tang vật này do cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Triệu Sơn thu giữ và khám xét tại nhà P, C và T2).

Về nguồn gốc xe máy Sirius là do Nguyễn Như T6 đứng tên giao dịch để mua xe hộ cho H1, mua tháng 7/2023 tại cửa hàng C, ở phố G, thị trấn Triệu Sơn với giá 22.500.000đ. H1 đưa tiền cho T6 để thanh toán được 15.000.000đ, còn nợ lại 7.500.000đ, do nợ tiền nên cửa hàng C chưa cung cấp hồ sơ để T6 đưa cho H1 làm đăng ký xe và biển kiểm soát. Kể từ thời điểm mua xe, chiếc xe máy trên do H1 sử dụng, H1 lắp biển số 36N7-4603 giả vào xe để đi trộm chó. Bộ kích điện là của Trương Văn V1 được V1 sử dụng để đi kích cá, khi đi trộm chó thì nới vào thông lưng, các dụng cụ còn lại như bao tải, bình xịt hơi cay, dây phanh là do H1 mua và nhặt được để sử dụng đi bắt trộm chó.

- **Về trách nhiệm dân sự:** Người bị hại không yêu cầu gì về phần dân sự, nên không xem xét.

- Bản cáo trạng số 25/CT- VKS, ngày 06 tháng 02 năm 2024 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, truy tố các bị cáo Lê Hữu H1, Lê Quang T1, Trương Văn V1, Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Trọng C và Nguyễn Thế P phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, thừa nhận bản cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa truy tố là hoàn toàn đúng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện. Bị cáo C trình bày bổ sung, sau khi mua chó của các đối tượng, bị cáo bán lại cho người mua chó đi trên đường, không biết rõ lai lịch, thu lời được 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

- Người bị hại là anh Lê Văn H3, Bà Hà Thị T, anh Nguyễn Đình B, anh Nguyễn Văn H4, ông Lê Văn H5, chị Đào Thị T5 và anh Đào Xuân N được tòa án tổng đạt các quyết định hợp lệ, nhưng không có mặt tại phiên Tòa. Ông Đào Xuân T4 có mặt tại Tòa. Quá trình điều tra người bị hại bà Hà Thị T3, ông Lê Văn H3, anh Đỗ Xuân Nam, chị Đào Thị T5 đã nhận lại tài sản (nhận lại chó). Gia đình anh H3 được bị cáo H2 bồi thường 300.000đ tiền công đi tìm chó, gia đình bà T3 được bị cáo H2 bồi thường 200.000đ tiền công tìm chó.

- Người bị hại đã được gia đình các bị cáo V1, H1 liên đới bồi thường gồm: Ông Nguyễn Văn H4 đã được bồi thường 900.000đ; ông Nguyễn Đình B đã nhận bồi thường 900.000đ; ông Đào Xuân T4 đã nhận bồi thường 1.400.000đ; ông Lê Văn H5 đã nhận bồi thường 2.100.000đ (là khoản tiền do chó bị mất) và được bị cáo C bồi thường tiền công đi tìm chó mỗi gia đình số tiền 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Vì vậy các bị hại nêu trên đều không có yêu cầu gì về phần dân sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên toà giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Lê Hữu H1, Lê Quang T1, Trương Văn V1, Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Các bị cáo Hoàng Trọng C và Nguyễn Thế P phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

2. Đề nghị về điều luật áp dụng và hình phạt đối với các bị cáo:

- Đối với Lê Hữu H1: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 56; Điều 58, khoản 5 Điều 65; Điều 107 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Hữu H1.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 50/2021/ HS- ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo phải chịu hình phạt C từ 24 tháng 27 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2023.

- Đối với Lê Quang T1: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Quang T1.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 8 tháng đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2023.

- Đối với Đặng Văn T2: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn T2

Đề nghị xử phạt T2 từ 08 đến 10 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

- Đối với Mai Văn H2: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Mai Văn H2.

Đề nghị xử phạt bị cáo 04 đến 05 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

- Đối với Trương Văn V1: Đề nghị hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật

hành sự đối với bị cáo Trương Văn V1.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 07 đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 14 đến 16 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã Đ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

- Đối với Hoàng Trọng C: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5, Điều 323, điểm s, điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Trọng C.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND thị trấn T giám sát, giáo dục.

- Đối với Lê Trọng P: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 5, Điều 323, điểm s, i khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế P.

Đề nghị xử phạt bị cáo từ 9 đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho UBND xã D giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung đề nghị:

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H1, Thanh, T2, H2 và V1 .

Áp dụng hình phạt bổ sung 5.000.000đ đến 10.000.000đ đối với bị cáo C và P.

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

4. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS; Khoản 1; 2;3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Đề nghị trả lại 01 xe máy gắn biển số 36R4-2405 cho anh V2.

- Đề nghị tiêu hủy tang vật không còn giá trị sử dụng gồm: 06 bộ thông lọng, 03 vỏ chai bia, 02 cuộn dây kim loại, 01 cuộn băng dính, 02 áo khoác, 01 quần thun, 01 túi da màu nâu, 03 mũ bảo hiểm, 02 đôi giày vải, 03 bì đựng thức ăn chăn nuôi, 02 vợt cán bằng kim loại dán băng dính màu đen, 01 biển số xe giả 36N7 – 4603.

- Đề nghị phát mại sung quỹ Nhà nước: 02 cân đồng hồ, 01 lồng sắt, 01 bình ắc quy, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius của H1.

- Đề nghị truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Hoàng Trọng C.

- Đề nghị giao cho Công An huyện Triệu Sơn 03 bình xịt hơi cay để xử lý theo quy định của pháp luật, vì đây là công cụ hỗ trợ.

5. Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật;

Các bị cáo không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn. Tại lời nói sau cùng trước khi HĐXX vào phòng nghị án, các bị cáo đều nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình điều tra, các bị cáo đều khai nhận:

Sáng ngày 08/11/2023, Mai Văn H2 và Đặng Văn T2 đã lợi dụng sơ hở trộm cắp 01 con chó có trọng lượng 18,5kg của gia đình ông Lê Văn H3 và 01 con chó nặng 12,5kg của gia đình bà Hà Thị T3. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 2.324.000đ. Sau đó, T2 mang chó đến nói với Nguyễn Thế P là chó trộm cắp mà có để bán, P đồng ý mua, trong lúc đang cân thì bị Công an huyện Triệu Sơn kiểm tra, phát hiện, bắt quả tang.

Mở rộng điều tra, cơ quan điều tra xác định: Trước đó, sáng ngày 06/11/2023, Lê Hữu H1 và Trương Văn V1 còn trộm cắp 04 con chó gồm: 01 con chó nặng 13kg của gia đình ông Nguyễn Văn H4; 01 con chó nặng 13kg của gia đình ông Nguyễn Đình B; 01 con chó nặng 19kg của gia đình ông Đào Xuân T4; 01 con chó nặng 28kg của gia đình ông Lê Văn H5. Tổng giá trị 04 con chó là 5.475.000đ. Sau đó, mang đến nói với Hoàng Trọng C là chó vừa trộm cắp mà có và bán cho C lấy 4.000.000đ, cả hai chia nhau, mỗi bị cáo 2.000.000đ tiêu xài cá nhân hết.

Ngoài ra, sáng ngày 08/11/2023, Lê Hữu H1 và Lê Quang T1 còn trộm cắp 02 con chó của anh Đào Xuân N, có trọng lượng 17,5kg và 01 con chó của chị Đào Thị T5, có trọng lượng 22kg. Tổng hai con chó có giá trị 2.962.000đ. Sau khi bắt trộm chó, H1 và T1 mang đến nhà Hoàng Trọng C, nói với C chó vừa trộm cắp được ở T và bán cho C được 1.850.000đ, H1 900.000đ, T1 950.000đ tiêu xài cá nhân hết.

Như vậy hành vi trộm cắp của các bị cáo Lê Hữu H1, Lê Quang T1, Trương Văn V1, Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Hoàng Trọng C và Nguyễn Thế P đã phạm vào tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự.

[3] Xét tính chất vụ án:

- Đối với hành vi trộm cắp tài sản: Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng. Xuất phát từ động cơ mục đích tư lợi, lười lao động, không có việc làm ổn định, nên các bị cáo H1, T1, V1, T2 và H2 đã trộm cắp tài sản của người khác để lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi trộm cắp của các bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang, lo lắng, bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo đã mang theo thông lọng, bộ kích, băng dính, bao tải... thể hiện có sự tính toán từ trước để thực hiện hành vi phạm tội. Tuy nhiên tài sản trộm cắp không lớn, các công cụ chuẩn bị phạm tội đều là những vật dụng giản đơn hoặc đồ dùng có sẵn. Do đó dù phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật, nhưng cũng cần phải xem xét đến tính chất hành vi và giá trị tài sản trộm cắp để quyết định hình phạt đối với các bị cáo, nhằm giáo dục và phòng ngừa C.

- Đối với hành vi “ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của C và P đã cùng xâm phạm đến khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ là trật tự công cộng và an toàn xã hội. Hành vi của các bị cáo đã tạo điều kiện cho tội trộm cắp phát sinh và gia tăng. Các bị cáo biết rõ chỗ do các bị cáo trộm cắp mà có, nhưng vì động cơ vụ lợi, ham rẻ nên vẫn mua để kiếm lời. Do đó cần phải xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[4]. Xét vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này có nhiều bị cáo. Có hành vi phạm tội của bị cáo độc lập, nhưng cũng có hành vi phạm tội mang tính chất đồng phạm giản đơn. Vì vậy cần đánh giá vai trò của các bị cáo đồng phạm với nhau, giúp phân hóa tội phạm và quyết định hình phạt phù hợp.

* Đối với hành vi trộm cắp tài sản thì thấy:

- Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 đồng phạm với nhau về việc trộm cắp 02 con chó của anh H3 và bà T3; H2 là người khởi xướng; T2 là người chuẩn bị công cụ, phương tiện phạm tội, T2 lấy bị bì xác rắn, thông lọng, băng dính, sử dụng xe máy Sirius màu trắng (mượn của anh V2) để chở H2 đi trộm cắp chó.

- Lê Hữu H1 và Trương Văn V1 đồng phạm với nhau về việc trộm 04 con chó của ông H5, anh T4, anh B và anh H4; H1 là người chuẩn bị công cụ, phương tiện như xe máy, thông lọng, băng dính, bình xịt hơi cay. V1 chuẩn bị kích điện để đi trộm chó.

- Lê Hữu H1 và Lê Quang T1 đồng phạm với nhau về việc trộm cắp 02 con chó của gia đình anh N và chị T5. H1 là người chuẩn bị công cụ phạm tội và đề sẵn ở nhà C.

Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, do đó cần phải đánh giá vai trò, mức độ phạm tội đối với từng bị cáo để có biện pháp xử lý, đảm bảo tính nghiêm minh cũng như thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

Lê Hữu H1 tham gia trộm cắp chó 02 (hai) lần, sử dụng xe máy và công cụ của H1, trước đó bị cáo đã bị xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” là chó, bị cáo đang trong thời gian thử thách lại tiếp tục thực hiện cùng hành vi. Do đó H1 chịu trách nhiệm chính, vai trò cao nhất. Tiếp đến là T1, bị cáo tham gia phạm tội 01 lần, nhưng phạm tội khi đang có tiền án chưa được xóa án tích, vì vậy bị cáo chịu trách nhiệm hình sự ở vai trò thứ hai. Tiếp theo là Đặng Văn T2, bị cáo tham gia

phạm tội 01 lần nhưng có nhân thân xấu, đang có 01 tiền sự về hành trộm cắp tài sản. Mai Văn H2 cũng có nhân thân xấu nên có vai trò thấp hơn các bị cáo trên, V1 có vai trò sau cùng.

* Đối với hành vi “ tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” của C và P, hai bị cáo thực hiện hành vi phạm tội độc lập trong các vụ án khác nhau, không đồng phạm. Tuy nhiên C phạm tội 02 lần nên có vai trò cao hơn P.

[5] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ đối với các bị cáo:

- *Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Lê Hữu H1 và Hoàng Trọng C phải chịu tình tiết tăng nặng “phạm tội 02 lần trở lên”, quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Lê Quang T1 phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm”, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Đối với lần phạm tội của Lê Hữu H1 bị xét xử 15 tháng tù, thử thách 30 tháng về tội “Trộm cắp tài sản”, thời điểm bị xét xử H1 chưa đủ 18 tuổi nên không bị áp dụng tình tiết tăng nặng “tái phạm”.

- *Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Lê Hữu H1; Trương Văn V1 đã bồi thường thiệt hại cho gia đình ông H5, anh T4, anh B và anh H4; Hoàng Trọng C và Mai Văn H2 (H2 tác động đến gia đình) đến trả công tìm chó, bồi thường thiệt hại cho các gia đình bị hại được áp dụng tình tiết “*Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả*”, quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Trương Văn V1 và Nguyễn Thế P được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Trương Văn V1, Mai Văn H2 và Lê Hữu H1 sau khi phạm tội đã ra đầu thú; Hoàng Trọng C luôn làm tốt công tác từ thiện, giúp đỡ người nghèo trên địa bàn dân cư, có bố là ông Hoàng Trọng Hợi được tặng huân chương kháng chiến hạng nhì, huân chương kháng chiến vẻ vang hạng ba. Các bị cáo Trương Văn V1, Lê Hữu H1, Mai Văn H2 và Hoàng Trọng C được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị can được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[6] Về trách nhiệm hình sự: Sau khi xem xét đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cũng như nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo và xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa. Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly các bị cáo H1, T1, T2 và H2 ra khỏi xã hội một thời gian nhất định mới đủ rắn đe, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật. Bị cáo H2 có 02 tình tiết giảm nhẹ tại khoản 1 Điều 51 của bộ luật hình sự nên được áp dụng khoản 3 Điều 54 của bộ luật hình sự.

Các bị cáo V1, C và P có nơi cư trú rõ ràng. Bị cáo V1 và P phạm tội lần thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nhiều tình tiết giảm nhẹ. Bị cáo C mặc dù “ phạm tội 02 lần” nhưng các lần phạm tội đều là tội phạm ít nghiêm trọng, có nhiều

tiết tiết giảm nhẹ. Vì vậy không cần cách ly các bị cáo V1, C và P ra khỏi xã hội mà giao cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục đủ rắn đe, rèn luyện ý thức tuân thủ pháp luật, trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung C 10.000.000đ; P 5.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại không yêu cầu gì thêm, nên không xét.

[8] Về vật chứng:

- Trả lại: 01 xe máy gắn biển số 36R4-2405 cho anh V2.

- Tiêu hủy tang vật không còn giá trị sử dụng gồm: 06 bộ thông lưng, 03 vỏ chai bia, 02 cuộn dây kim loại, 01 cuộn băng dính, 02 áo khoác, 01 quần thun, 01 túi da màu nâu, 03 mũ bảo hiểm, 02 đôi giày vải, 03 bì đựng thức ăn chăn nuôi, 02 vợt cán bằng kim loại dán băng dính màu đen, 01 biển số xe giả 36N7 – 4603.

- Phát mại sung quỹ Nhà nước: 02 cân đồng hồ, 01 lồng sắt, 01 bình ắc quy, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius của H1.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Hoàng Trọng C.

- Giao cho Công An huyện Triệu Sơn 03 bình xịt hơi cay vì đây là công cụ hỗ trợ.

[9] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

[10]. Đối với anh Nguyễn Hữu V2 cho Đặng Văn T2 mượn xe nhưng không biết việc các đối tượng sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên không có căn cứ xử lý.

Đối với việc Hoàng Trọng C cho các đối tượng để xe nhưng không biết gửi xe rồi lấy đi trộm cắp, không biết các bị cáo để dụng cụ ở nhà C để đi trộm chó vì nơi để xe và các dụng cụ trên nằm ở khu vực không có khóa cửa, các đối tượng đến lấy đi C không biết, không hứa hẹn, bàn bạc về việc cho cất giấu công cụ trộm cắp nên không có cơ sở để xử lý C về đồng phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Công ty TNHH thương mại tổng hợp C chỉ giao dịch mua bán chiếc xe máy Sirius với anh T6, không liên quan đến H1. Số tiền mua bán thỏa thuận là 22.5000.000đ, T6 mới trả được 15.000.000đ, còn nợ 7.500.000đ, do chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán nên công ty chưa đưa hồ sơ cho T6 để làm thủ tục đăng ký và làm BKS của chiếc xe. Tại phiên tòa người đại diện theo pháp luật của công ty TNHH C vắng mặt nhưng trong quá trình giải quyết vụ án cũng đã có lời khai về việc bán xe cho anh T6. Xét thấy đây là giao dịch dân sự, không liên quan đến vụ án. Vì vậy dành quyền khởi kiện cho công ty TNHH C đối với anh T6.

Đối với việc anh T6 là người đứng tên để giao dịch mua chiếc xe máy Sirius hộ cho H1 với giá 22.500.000đ, số tiền anh T6 trả cho công ty C 15.000.000đ là của H1 đưa cho T6, anh T6 còn nợ 7.500.000đ do H1 chưa đưa tiền cho T6 để trả. Sau khi mua xe H1 là người sử dụng. T6 không biết H1 sử dụng xe làm phương tiện trộm cắp, nên không xử lý T6 là đúng quy định của pháp luật. Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho anh T6 đối với H1.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ : Khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Hữu H1, Lê Quang T1, Trương Văn V1, Đặng Văn T2 và Mai Văn H2 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ : Khoản 1 Điều 323 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Các bị cáo Hoàng Trọng C và Nguyễn Thế P phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”.

2. Hình phạt và điều luật áp dụng cho từng bị cáo như sau:

2.1. Bị cáo Lê Hữu H1:

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58; Điều 55, Điều 56, khoản 5 Điều 65; Điều 107 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Hữu H1 09 (chín) tháng tù. Tổng hợp hình phạt với 15 (mười lăm) tháng tù cho hưởng án treo của bản án số 50/2021/ HS- ST ngày 28 tháng 12 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Bị cáo phải chịu hình phạt C là 24 (hai tư) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/11/2023.

2.2. Bị cáo Lê Quang T1.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51; điểm h, khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo Lê Quang T1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/11/2023.

2.3. Bị cáo Đặng Văn T2.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Đặng Văn T2.

- Xử phạt bị cáo Đặng Văn T2 08 (tám) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 08/11/2023.

2.4. Bị cáo Mai Văn H2.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật hình sự và Điều 328 của bộ luật tố tụng hình sự đối với bị cáo Mai Văn H2.

- Xử phạt bị cáo H2 4 (bốn) tháng 15 (mười lăm) ngày tù. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

2.5. Bị cáo Trương Văn V1.

- Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Trương Văn V1.

- Xử phạt bị cáo Trương Văn V1 08 (tám) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo V1 cho UBND Đ, huyện Đ, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.6. Bị cáo Hoàng Trọng C.

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323, điểm b, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Hoàng Trọng C.

- Xử phạt bị cáo 15 (mười lăm) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo C cho UBND thị trấn T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2.7. Bị cáo Nguyễn Thế P:

- Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 323, điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 65 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thế P.

- Xử phạt bị cáo 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 24 (hai bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, giao bị cáo P cho UBND xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa để giám sát, giáo dục. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 của Luật thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Về hình phạt bổ sung:

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo H1, T1, V1, T2 và H2.

+ Phạt bổ sung đối với bị cáo C 10.000.000đ (mười triệu đồng), P 5.000.000đ (năm triệu đồng).

3. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm, nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 1; 2; 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS).

Áp dụng khoản 11 Điều 3 và Điều 66 luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

- Trả lại: 01 xe máy gắn biển số 36R4-2405 cho anh Nguyễn Hữu V2.

- Tiêu hủy tang vật không còn giá trị sử dụng gồm: 06 bộ thông lưng, 03 vỏ chai bia, 02 cuộn dây kim loại, 01 cuộn băng dính, 02 áo khoác, 01 quần thun, 01 túi da màu nâu, 03 mũ bảo hiểm, 02 đôi giày vải, 03 bì đựng thức ăn chăn nuôi, 02 vợt cán bằng kim loại dán băng dính màu đen, 01 biển số xe giả 36N7 – 4603.

- Phát mại sung quỹ Nhà nước: 02 cân đồng hồ, 01 lồng sắt, 01 bình ắc quy, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius của H1.

- Truy thu sung quỹ Nhà nước số tiền thu lời bất chính 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) của bị cáo Hoàng Trọng C.

- Giao cho Công An huyện Triệu Sơn 03 bình xịt hơi cay để xử lý theo quy định, vì đây là công cụ hỗ trợ.

Các vật chứng trên đang được bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Triệu Sơn theo biên bản về việc giao nhận vật chứng và tài sản ngày 18/03/2024.

Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho Công ty TNHH thương mại tổng hợp C về số tiền anh T6 nợ tiền mua xe của công ty. Dành quyền khởi kiện vụ án dân sự cho anh T6.

5. Về án phí và quyền kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6; Điều 21; Điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tiểu mục 1, mục I danh mục án phí lệ phí ban hành kèm theo nghị quyết 326.

Buộc các bị cáo Lê Hữu H1, Lê Quang T1, Trương Văn V1, Đặng Văn T2, Mai Văn H2, Hoàng Trọng C và Nguyễn Thế P mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án liên quan đến quyền của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND tỉnh Thanh Hóa
- VKSND huyện Triệu Sơn;
- Công an huyện Triệu Sơn;
- Các bị cáo;
- Người bị hại
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Thủy

- Lưu hồ sơ.